

Số: KQ.281.25.12

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1 Đơn vị yêu cầu
- : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
- 2 Địa chỉ
- : Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km 10 đường 10 - xã Liên Minh – tỉnh Ninh Bình.
- 3 Địa điểm quan trắc
- : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
- 4 Số lượng/ Loại mẫu
- : 01 mẫu nước thải.
- 5 Ký hiệu
- : NTC04-12/25.
- 6 Thời gian gửi/lấy mẫu
- : 01/12/2025.

Bảng: Kết quả phân tích nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 13-MT:2015/ BINMT (A) C _{max}	QCVN 40:2011/ BTNMT (A) C _{max}	Phương pháp
			NTC 04-12/25			
01	pH	-	8,01	6-9	6-9	TCVN6492:2011
02	Nhiệt độ	°C	29,26	40	40	SMEWW2550B:2023
03	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	35	40,5	40,5	TCVN6625:2000
04	Độ màu	Pt-Co	38	40,5	50	TCVN6185C:2015
05	COD	mg/l	43,5	60,75	60,75	SMEWW5220C:2023
06	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	19,6	24,3	24,3	TCVN6001-1:2021
07	Amoni (theo N)	mg/l	2,3	-	4,05	TCVN5988:1995
08	Tổng Phôtpho	mg/l	0,75	-	3,24	TCVN6202:2008
09	Tổng Nito	mg/l	15,8	-	16,2	TCVN6638:2000
10	Sunfua	mg/l	<0,09	-	0,162	SMEWW 4500S ² B&D:2023
11	Clorua	mg/l	337	-	405	TCVN6194:1996
12	Clo dư	mg/l	0,8	0,81	0,81	TCVN6225-3:2011
13	Asen	mg/l	<0,006	-	0,0405	SMEWW 3114B:2023
14	Thủy ngân	mg/l	<0,0009	-	0,0045	TCVN7877:2008
15	Cadimi	mg/l	<0,0012	-	0,0405	SMEWW3113B:2023
16	Chì	mg/l	<0,009	-	0,081	SMEWW3113B:2023
17	Crom(III)	mg/l	<0,015	-	0,162	SMEWW3113B:2023 SMEWW3500-Cr.B:2023
18	Đồng	mg/l	<0,09	-	1,62	SMEWW 3111B:2023

BM16/02 -02

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 13-MT:2015/ BINMT (A) C_{max}	QCVN 40:2011/ BTNMT (A) C_{max}	Phương pháp
			NTC 04-12/25			
19	Kẽm	mg/l	<0,03	-	2,43	SMEWW 3111B:2023
20	Niken	mg/l	<0,09	-	0,162	SMEWW 3111B:2023
21	Mangan	mg/l	0,098	-	0,405	SMEWW3111B:2023
22	Sắt	mg/l	0,23	-	0,81	TCVN6177:1996
23	Crom(VI)	mg/l	<0,012	0,0405	0,0405	SMEWW 3500-Cr.B:2023
24	Xyanua	mg/l	<0,008	0,0567	0,0567	TCVN6181:1996
25	Tổng Phenol	mg/l	<0,003	-	0,081	TCVN6216:1996
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	<3,2	-	4,05	SMEWW 5520B&F:2023
27	Tổng các chất HDBM	mg/l	<0,13	4,05	-	TCVN6622-1:2009
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	1.900	-	3.000	TCVN 8775:2011
29	Hóa chất BVTV clo hữu cơ	µg/l	<0,009	-	0,0405	US EPA method 3510 EPA method 3630C EPA emthod 8270D
30	Florua (F-)*	mg/l	0,33	-	4,05	SMEWW 4500-F-.B&D:2023
31	Parathion-Ethyl- HC BVTV photpho hữu cơ*	mg/l	KPH (MDL = 0,0002)	-	0,243	US EPAMethod 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D
32	Tổng hoạt độ phóng xạ *	Bq/l	KPH (MDL = 0,02)	-	0,1	TCVN 6053:2021
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/l	KPH (MDL = 0,20)	-	1	TCVN 6219:2021
34	Tổng PCB - (PCB 28)*	mg/l	KPH (MDL = 0,00003)	-	0,00243	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 3665A + US EPA Method 8082A

Ghi chú

NTC04-12/25	Mẫu nước thải sau hồ sinh học của KCN, điểm trước khi chảy ra mương tiêu của xã sau đó ra kênh C9-5.
QCVN13-MT:2015(A)	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm.
QCVN40:2011/BTNMT (A)	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
Dấu (-)	Quy chuẩn không quy định.
*	Thông số gửi nhà thầu phụ phân tích
C_{max}	Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp (hoặc nước thải công nghiệp dệt nhuộm) khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải (Áp dụng $C_{max} = C * K_q * K_f$ với $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$)

- Phiếu kết quả này bao gồm 03 trang
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị với mẫu nêu trên

BM16/02 -02

- Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc Môi trường - Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

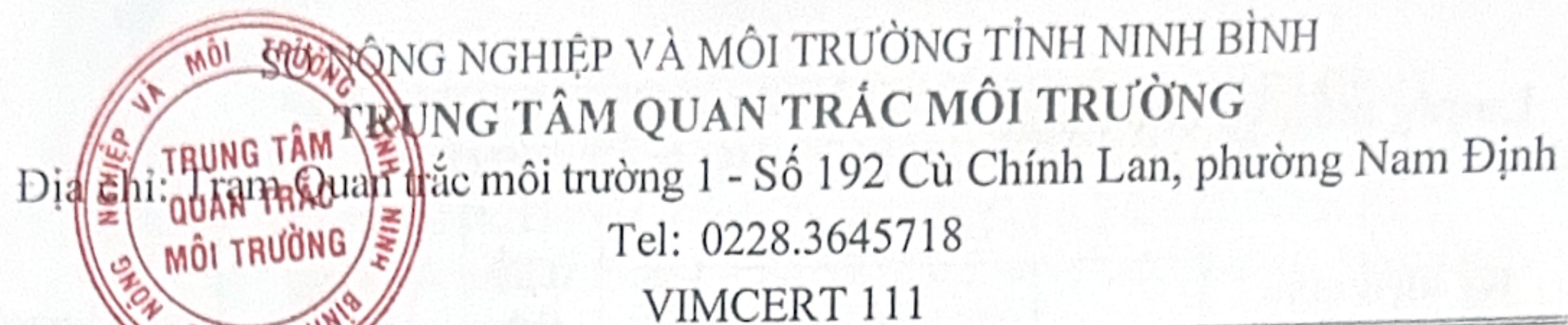
PHÒNG PHÂN TÍCH

Đinh Thị Huyền



Nguyễn Thị Hồng Thắm





Số: 26.7... 12/25... - LM.

1. Đơn vị yêu cầu: ... Công ty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh.....

2. Địa chỉ: ... Lô L1 đường P1 - KCN Bảo Minh, Km 10 đường 10 xã Liên Minh
tỉnh Ninh Bình -

3. Địa điểm quan trắc: ... Cty CP đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh.....

4. Mục đích quan trắc: ... Giám sát môi trường định kỳ.....

5. Số lượng/loại mẫu: ... 01 mẫu nước thải.....

6. Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 8880:2011,
TCVN6663-3:2016.

7. Điều kiện thời tiết: ... Trời râm.....

8. Thiết bị quan trắc: Thiết bị lấy mẫu nước, Thiết bị đo nước đa chỉ tiêu, Máy đo pH, Thiết bị đo
lưu lượng nước FP111, Tủ bảo quản mẫu đi hiện trường và các dụng cụ lấy mẫu...

[illegible]

III. Lượng mẫu và bảo quản:

TT	Ký hiệu mẫu	Loại chai				Thể tích mẫu	Bảo quản	Thông số
		P1000	P500	G1000	G500			
1	NTC 04 -12/25	1	3			2,5	Lạnh	SS ⁻ , Cl ⁻ , Clo dư, BOD ₅ , F ⁻
			2			1	Lạnh + tối	Độ màu
		2	1			1,5	Lạnh	Tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng hoạt độ phóng xạ β
			7			3,5	H ₂ SO ₄	COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Fe, Thuốc bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, Tổng PCB
				1	1	1,5	HNO ₃	Pb, Cd, Cr ³⁺ , Cu, Zn, Ni, Mn
			2			1	NaOH + đậm	Cr ⁶⁺
		1	2			2	NaOH	CN ⁻ , Sunfua
				1	1	1,5	H ₃ PO ₄	Phenol
		1	1			1,5	HCl	As
				1	1	1,5	HCl	Dầu mỡ khoáng
					2	0,6	CHCl ₃	Chất hoạt động bề mặt anion
		1	1			1,5	HCl + K ₂ CrO ₇	Hg
				1	1	1,5	Lạnh + tối	Coliform

Ninh Bình, ngày..01..tháng..12..năm 2025

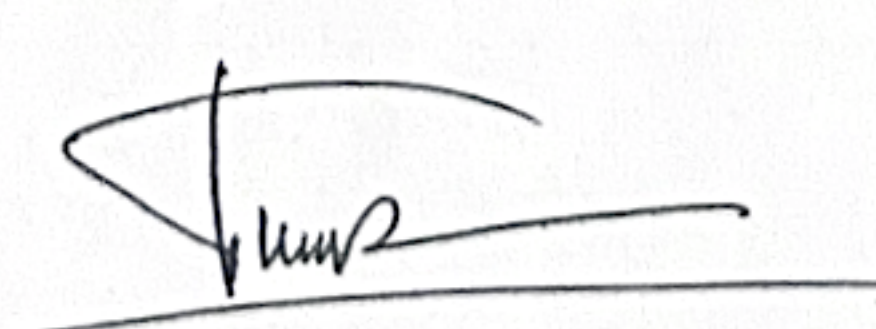
Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)


Bùi Thị Hiền Oanh

Trưởng nhóm quan trắc

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Minh Tuấn

Đại diện bên liên quan

(Ký và ghi rõ họ tên)

Người quan trắc

(Ký và ghi rõ họ tên)


Phạm Thanh Tùng